

Bản án số: 3252/2022/KDTM-ST

Ngày: 26-8-2022

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Chu Mạnh Tường

2/ Bà Phan Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2021/TLST-KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3491/2022/QĐXXST-KDTM ngày 01/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 4327/2022/QĐST-KDTM ngày 30/6/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5203/2022/QĐST-KDTM ngày 28/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần A

Trụ sở: 86/1A Đường số 3, Khu phố X, phường Y, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Đức T, sinh năm: 1981

Địa chỉ: 86/1A Đường số 3, Khu phố X, phường Y, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất gỗ B

Trụ sở: 11/6B Đường 26, phường R, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1986

Cư trú: 204/25D Quốc lộ M, Phường N, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2021 và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần A ông Cao Đức T trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:

Ngày 20/3/2020 và ngày 09/6/2020 Công ty cổ phần A (gọi tắt là công ty A) và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất gỗ B (gọi tắt là công ty B) có ký hợp đồng mua bán về việc mua bán gỗ sồi ghép Laminated. Nội dung hợp đồng Công ty A đồng ý mua gỗ sồi ghép Laminated của Công ty B theo quy cách, số lượng, chất lượng, giá thành được quy định trong từng hợp đồng mua bán. Phương thức thanh toán: Sau khi ký hợp đồng đặt hàng bên mua đặt cọc cho bên bán 30% giá trị hợp đồng. Thời gian giao hàng 10 ngày kể từ ngày bên bán nhận được tiền đặt cọc của bên mua. Thực hiện hợp đồng mua bán ngày 20/3/2020 Công ty A đã tạm ứng số tiền 103.084.872 đồng theo phiếu báo nợ ngày 22/5/2020 của Ngân hàng Thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam cung cấp. Thực hiện hợp đồng mua bán ngày 09/6/2020 Công ty A đã tạm ứng số tiền 51.464.160 đồng theo phiếu báo nợ ngày 19/6/2020 của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội cung cấp. Việc Công ty A không chuyển tiền đặt cọc ngay cho bên bán theo thỏa thuận trong hợp đồng ngày 20/3/2020 là do dự án có thay đổi về thiết kế, công ty A có kế hoạch sẽ lấy hàng bổ sung và sẽ lấy hàng một lần vào cuối tháng 8 năm 2020 cho cả hai đơn hàng và bên công ty B cũng thống nhất. Ngày 26/8/2020 Công ty A đề nghị Công ty B chuẩn bị hồ sơ chất lượng và giao hàng nhưng Công ty B không thực hiện và cũng không thông báo cho bên công ty A đến kiểm hàng tại xưởng. Sau nhiều lần liên hệ, công ty B không cung cấp hình ảnh chứng minh hàng đã sẵn sàng giao và không giao hàng cho Công ty A. Từ ngày 13/01/2021 đến ngày 08/4/2021 Công ty A không liên lạc được với công ty B và khi đến trụ sở thì được thông báo là Công ty B đã trả mặt bằng và dọn đi đâu không rõ. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy các hợp đồng mua bán ngày 20/3/2020 và ngày 09/6/2020. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất gỗ B phải thanh toán cho Công ty cổ phần A số tiền 154.549.032 đ (Một trăm năm mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn không trăm ba mươi hai đồng) theo các hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 20/3/2020 và ngày 09/6/2020.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/7/2022 của người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất gỗ B ông Hoàng Văn P trình bày: Về hàng hóa, công ty B đã bàn giao đầy đủ cho Công ty A tại nhà máy ở Ấp Chánh, xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Công ty B đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ghi trong hợp đồng đối với công ty A và đã xuất hóa đơn VAT cho công ty A (đính kèm hóa đơn, hợp đồng bản photo). Về thanh toán thì công ty A chưa thanh toán đầy đủ cho công ty B đúng số tiền thực hiện trên hợp đồng và hóa đơn chứng từ mà bên Công ty B đã xuất cho công ty A. Do công ty B gặp khó khăn nên chưa thể

yêu cầu Công ty A thanh toán số tiền còn lại. Về giấy tờ, biên bản giao nhận hàng hóa tại nhà máy Công ty B, do dịch bệnh kéo dài, thời gian tạm ngưng hoạt động lâu, cộng với an ninh khu vực nhà máy rất phức tạp nên nhiều giấy tờ, tài sản, thiết bị văn phòng của nhà máy bị kẻ xấu phá hoại cho nên bị đơn chưa thể cung cấp được.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Cao Đức T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu hủy các hợp đồng mua bán ngày 20/3/2020 và ngày 09/6/2020 được ký kết giữa Công ty cổ phần A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất gỗ B. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất gỗ B phải thanh toán cho Công ty cổ phần A số tiền 154.549.032 đ (Một trăm năm mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn không trăm ba mươi hai đồng) theo các hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 20/3/2020 và ngày 09/6/2020, thực hiện một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, về tiền lãi Công ty A tự nguyện không yêu cầu.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất gỗ B và người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Hoàng Văn P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm ngừng phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy các hợp đồng mua bán ngày 20/3/2020 và ngày 09/6/2020 được ký kết giữa Công ty cổ phần A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất gỗ B. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất gỗ B phải thanh toán cho Công ty cổ phần A số tiền 154.549.032 đ (Một trăm năm mươi

bốn triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn không trăm ba mươi hai đồng) theo các hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 20/3/2020 và ngày 09/6/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu hủy các hợp đồng mua bán hàng hóa đã ký với bị đơn và yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền mà nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn thì tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất gỗ B có trụ sở tại địa chỉ 11/6B Đường 26, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất gỗ B và người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Hoàng Văn P vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Căn cứ các Hợp đồng mua bán ngày 20/3/2020 và ngày 09/6/2020 về việc mua bán gỗ sồi ghép Laminated được ký kết giữa Công ty cổ phần A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất gỗ B, có nội dung Công ty A đồng ý mua và Công ty B đồng ý bán gỗ sồi ghép Laminated theo quy cách, số lượng, chất lượng, giá thành quy định cụ thể trong từng hợp đồng. Ngay sau khi ký hợp đồng mua bán, Công ty A đặt cọc cho Công ty B 30% giá trị hợp đồng. Công ty A sẽ thanh toán nốt 70% còn lại khi hàng hóa được bên mua nghiệm thu đủ và xếp lên xe tại kho bên bán. Công ty B có trách nhiệm giao hàng trong thời gian 10 ngày kể từ ngày Công ty B nhận được tiền đặt cọc từ Công ty A. Thực hiện hợp đồng mua bán ngày 20/3/2020, Công ty A đã tạm ứng số tiền 103.084.872 đồng tương đương 30% giá trị hợp đồng như đã thỏa thuận (theo phiếu báo nợ ngày 22/5/2020 của Ngân hàng Thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam cung cấp). Thực hiện hợp đồng mua bán ngày 09/6/2020 Công ty A đã tạm ứng số tiền 51.464.160 đồng tương đương 30% giá trị hợp đồng như đã thỏa thuận (theo phiếu báo nợ ngày 19/6/2020 của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội cung cấp). Tuy nhiên, hết thời hạn 10 ngày kể từ ngày Công ty B nhận được tiền đặt cọc, nguyên đơn cho rằng Công ty B không thực hiện nghĩa vụ giao hàng nhưng bị đơn cho rằng đã thực hiện xong nghĩa vụ giao hàng theo các hợp đồng mua bán đã ký. Kèm theo đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có cung cấp hai bản photo hóa đơn giá trị gia tăng. Tuy nhiên, hóa đơn giá trị gia tăng là một loại chứng từ do người bán lập dùng để ghi nhận thông tin bán hàng hóa cho bên mua. Do đó, hóa đơn giá trị gia tăng không phải chứng cứ chứng minh cho việc giao hàng giữa bên bán và bên mua. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn cũng thừa nhận giấy tờ, biên bản giao nhận hàng hóa tại nhà máy Công ty B, do dịch bệnh kéo dài, thời gian tạm ngưng hoạt động lâu, cộng với

an ninh khu vực nhà máy rất phức tạp nên nhiều giấy tờ, tài sản, thiết bị văn phòng của nhà máy bị kẻ xấu phá hoại cho nên bị đơn chưa thể cung cấp được. Tại phiên tòa nguyên đơn không thừa nhận việc đã nhận đủ hàng hóa theo các hợp đồng đã ký như phía bị đơn trình bày. Tòa án đã ban hành thông báo đối chất giữa nguyên đơn và bị đơn về việc đã giao nhận hàng hóa theo các hợp đồng đã ký chưa nhưng bị đơn vắng mặt, không tham gia đối chất. Mặt khác, ngày 27/8/2022 Tòa án đã ban hành thông báo về việc cung cấp chứng cứ, yêu cầu bị đơn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hoặc kể từ ngày thông báo được niêm yết hợp lệ phải cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc đã giao hàng cho nguyên đơn. Tuy nhiên, hết thời hạn trên, Tòa án không nhận được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào của bị đơn chứng minh cho việc đã giao hàng cho nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ giao hàng là vi phạm Điều 34 Luật thương mại năm 2005.

[2.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi. Xét việc nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hủy các hợp đồng mua bán ngày 20/3/2020 và ngày 09/6/2020 được ký kết giữa Công ty cổ phần A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất gỗ B. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất gỗ B phải thanh toán cho Công ty cổ phần A số tiền 154.549.032 đ (Một trăm năm mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn không trăm ba mươi hai đồng). Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất gỗ B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 7.727.452 đ (Bảy triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn bốn trăm năm mươi hai đồng). Công ty cổ phần A không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 3.864.551 đ (Ba triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn năm trăm năm mươi một đồng) cho Công ty cổ phần A theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0024818 ngày 24/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 3 Điều 144; Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24, 34, 37, 306, 312 và Điều 314 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Hủy các hợp đồng mua bán ngày 20/3/2020 và ngày 09/6/2020 được ký kết giữa Công ty cổ phần A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất gỗ B.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất gỗ B phải thanh toán cho Công ty cổ phần A số tiền 154.549.032 đ (Một trăm năm mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn không trăm ba mươi hai đồng). Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Công ty cổ phần A có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất gỗ B chưa thi hành, thì hàng tháng Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất gỗ B còn phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền chậm trả, theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất gỗ B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 7.727.452 đ (Bảy triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn bốn trăm năm mươi hai đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 3.864.551 đ (Ba triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn năm trăm năm mươi một đồng) cho Công ty cổ phần A theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0024818 ngày 24/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- CCTHADS TP.Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Nguyên Hà